TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 848/2019/DS-PT
Ngày 27/9/2019
V/v Tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Bà Phạm Thị Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Anh Nga- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82//TLPT-DSPT ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp chia thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 102/2018 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4147/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông H H P
Địa chỉ: Số 981 Đường M, phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông N P H
Địa chỉ liên lạc: Số 13C Đường M, Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.
Văn bản ủy quyền số 005732 quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/7/2019 Văn phòng Công chứng Nguyễn Điệp; ông H (có mặt).

2. Bị đơn: Bà H V T; Địa chỉ: Số 113 đường M, Tổ 18, Khu phố 2, phường MTM, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông N C L; Địa chỉ: F6/26N đường MN, xã VL, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền số 417, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/12/2016 Văn phòng Công chứng Lâm Thị Minh Nguyệt, ông L có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông H N T

Địa chỉ: Số 165/6, Khu phố 2, ấp CL, xã BM, huyện M, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông N P H

Địa chỉ liên lạc: Số 13C Đường NMN, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền số 005731 quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/7/2019 Văn phòng Công chứng Nguyễn Điệp; ông H (có mặt).

3.2. Bà H T T

Địa chỉ: Số 28 Đường số 16, Khu phố 2, phường O, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, xin vắng mặt.

3.3. Bà H T L

Địa chỉ: Số 28 Đường số 16, Khu phố 2, phường 0, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

3.4. Ông T V T

Địa chỉ: Số 113 đường MNM, Tổ 18, Khu phố 2, phường O, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, ông T (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông N C L; Địa chỉ: F6/26N Đường L, xã VL, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền số 417, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/12/2016 Văn phòng Công chứng Lâm Thị Minh Nguyệt, (ông L có mặt).

3.5. Ông T T N; Địa chỉ: Số 113 đường Thạnh Mỹ Lợi, Tổ 18, Khu phố 2, phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

3.6. Ông T T H

Địa chỉ: Số 113 đường Thạnh Mỹ Lợi, Tổ 18, Khu phố 2, phường O, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

3.7. Bà T T T T

Địa chỉ: Số 113 đường Thạnh Mỹ Lợi, Tổ 18, Khu phố 2, phường O, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

4. *Người làm chứng:*

Bà N T T

Địa chỉ: Số 113/1 đường Thạnh Mỹ Lợi, Tổ 18, Khu phố 2, phường O, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Tại Đơn khởi kiện ngày 22/11/2016, bản tự khai ngày 19/12/2016, ngày 20/12/2016, biên bản mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn – ông H V P có ông N P H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Phần đất có diện tích 600,5m^2 tại thửa đất số 121, 122, 123, 126 tờ bản đồ số 12; số thửa mới 571, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại địa chỉ số 113 (số cũ là 4/9A thuộc thửa 887,

tờ bản đồ số 1 theo tài liệu 299/TTG) đường Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của bà T T L và ông H V K. Bà L chết vào ngày 31/8/2010, ông K chết vào ngày 10/3/2003, trước khi chết, bà L và ông K đều không lập di chúc để định đoạt tài sản. Năm 2006, do nhu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên các anh em trong gia đình cùng nhau lập Biên bản thỏa thuận ngày 20/8/2006, bà T cùng chồng là ông T V T có lập Tờ cam kết ngày 07/9/2006 có xác nhận của Uỷ ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi với nội dung thỏa thuận phân chia phần đất nêu trên cho ông P và ông T mỗi người được hưởng 60m^2. Năm 2011, vợ chồng bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vợ chồng bà T không đồng ý thực hiện việc cam kết phân chia tài sản chung như đã thỏa thuận.

Trong quá trình Tòa thu thập chứng cứ, ông H V P yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung của các đồng thừa kế. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông P xin thay đổi yêu cầu do thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế vẫn còn. Nay ông P yêu cầu chia di sản thừa kế do bà T T L và ông H V K để lại, yêu cầu chia bằng giá trị quyền sử dụng đất, không chia bằng hiện vật cụ thể, ông P yêu cầu được hưởng giá trị quyền sử dụng 60m^2 đất, tương ứng với 2.100.000.000 (hai tỷ một trăm triệu đồng). Do yêu cầu chia bằng giá trị nên ông P không yêu cầu Tòa xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất có liên quan và không yêu cầu Tòa giải quyết đối với vật kiến trúc trên đất. Phía nguyên đơn xác định không tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản.

Bị đơn – bà H T T có ông N C L là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Căn nhà số 113 (số cũ 4/9A) đường Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và phần đất khuôn viên có diện tích 600,5m^2 tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 12 (số thửa mới 571, tờ bản đồ số 12) có nguồn gốc do ông bà ngoại là T V N và N T K để lại cho bà T, không phải là tài sản của cha mẹ để lại. Bà T và ông T sử dụng nhà đất từ trước năm 1975. Khi còn sống, mẹ của bà T tên T T L có nhà, đất ở tại số 4/4, ấp Bình Thạnh, xã Thạnh Mỹ Lợi, huyện thủ Đức, không liên quan đến diện tích nhà, đất do bà T và ông T sử dụng. Nhà do bà T và ông T sử dụng có số cũ là 4/9A, số mới là 113 đường Thạnh Mỹ Lợi. Tại sơ đồ kèm theo Quyết định số 1915/QĐ-UB-QLĐT ngày 31/7/2001 của Ủy ban nhân dân Quận 2 giải quyết tranh chấp lối đi giữa bà T và ông H thể hiện rất rõ phần đất do bà T sử dụng và căn nhà do bà L sử dụng có vị trí hoàn toàn khác nhau. Về việc ký Bản thỏa thuận ngày 20/8/2006 và lập Tờ cam kết ngày 09/7/2006 có xác nhận của Uỷ ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi với nội dung chia đất cho ông P và ông T mỗi người 60m^2 là do thương mẹ đang bệnh nặng nên bà T đồng ý cho ông P và ông T mỗi người 60m^2 theo ý kiến của mẹ. Chính vì vậy trong cả Bản thỏa thuận ngày 20/8/2006 và lập Tờ cam kết ngày 09/7/2006 đều có ghi nội dung là bà T cho đất chứ không ghi là bà L cho đất. Đến năm 2011, khi vợ chồng bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông P và ông T lại đòi chia thừa kế toàn bộ diện tích đất mà vợ chồng bà T sử dụng. Do ông P và ông T cứ đòi hỏi, yêu sách nên nay bà T và ông T không đồng ý phân chia tài sản cho ông P và ông T nữa. Về việc kê khai nhà, đất ngay từ khi ông bà ngoại còn sống đã cho bà T cả nhà và đất, sự việc này cha mẹ của bà T cũng đồng ý với việc cho nhà đất nên bà T đã kê khai nhà,

đất do ông bà ngoại cho cha mẹ, cha mẹ cho bà T. Ông, bà ngoại của bà T chỉ có một người con duy nhất là bà T T L. Cha của bà T tên là T V K. Bà L và ông K có tất cả năm người con là H V T, H V P, H N T, H T L, H T T. Ngoài ra không có người con nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông H N T có ông N P H là người đại diện theo ủy quyền thống nhất với ý kiến trình bày của ông Phước. Ông T yêu cầu Tòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà H T L, bà H T T xin vắng mặt tại phiên tòa và xác định không tranh chấp, không có yêu cầu gì cho bản thân bà L, bà T đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của ông P và ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông T V T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ông N C L là người đại diện theo ủy quyền, ông L có mặt tại phiên tòa và xác định ông T có cùng ý kiến với bà T, không có ý kiến, không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – em T T N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai trình bày: Ông N là con ruột của bà T và ông T. Ông N có cùng ý kiến với bà T, không có ý kiến, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – em T T H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai trình bày: Ông H là con ruột của bà T và ông T. Ông H có cùng ý kiến với bà T, không có ý kiến, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – em T T T T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai trình bày: Bà T là con ruột của bà T và ông T. Bà T có cùng ý kiến với bà T, không có ý kiến, không có yêu cầu gì khác.

Người làm chứng – bà N T T xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày: Bà T là vợ của ông T T H. Ông H đã chết vào ngày 22/4/2018. Trước đây giữa bà T có tranh chấp với ông H về lối đi nhưng đã được giải quyết bằng Quyết định số 1915/QĐ-UB-QLĐT ngày 31/7/2001 của Ủy ban nhân dân Quận 2. Sau đó, ông H không khiếu kiện gì. Phần đất của ông H và phần đất của bà T sử dụng là hai phần đất khác nhau, diện tích ông H sử dụng không liên quan đến tranh chấp giữa ông P, ông T và bà T. Bà T không có yêu cầu gì, đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

Tại bản án sơ thẩm số 102/2018/DS- ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 220, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 186, Điều 189, Điều 192 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 167 Luật đất đai năm 2013;
- Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – ông H V P về việc phân chia di sản thừa kế cho ông P được hưởng giá trị quyền sử dụng 60m^2 đất, tương ứng với 2.100.000.000 (hai tỷ một trăm triệu) đồng.

Về án phí: Ông H V P được miễn toàn bộ tiền án phí. Ông H N T không phải chịu tiền án phí. Bà H T T không phải chịu tiền án phí. Hoàn tiền tạm ứng án phí 7.500.000đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) cho ông P theo Biên lai số AE/2014/0004644 ngày 07/12/2016 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 xác lập.

- Về lệ phí: Lệ phí định giá tài sản 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Phiếu thu số 49 THUDG, ngày 16/11/2017, ông P phải chịu. Ông P đã nộp đủ lệ phí định giá tài sản.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 03/12/ 2018, Ông H V P và ông H N T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm về việc ông yêu cầu được phân chia thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông N P H trình bày:

Toàn bộ nội dung vụ án và nội dung kháng cáo như ông đã trình bày bằng văn bản gửi Tòa án ở cấp sơ thẩm, tại phiên tòa ông H không có chứng cứ gì thêm để nộp cho Hội đồng xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P và ông T.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - N C L trình bày:

Căn nhà số 113 (số cũ 4/9A) đường Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và phần đất khuôn viên có diện tích 600,5m^2 tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 12 (số thửa mới 571, tờ bản đồ số 12) có nguồn gốc do ông bà ngoại là T V N và N T K để lại cho bà T, không phải là tài sản của cha mẹ để lại. Bà T và ông T sử dụng nhà đất từ trước năm 1975. Khi còn sống, mẹ của bà Trí tên T T L có nhà, đất ở tại số 4/4, ấp Bình Thạnh, xã Thạnh Mỹ Lợi, huyện thủ Đức, không liên quan đến diện tích nhà, đất do bà T và ông T sử dụng. Nhà do bà T và ông T sử dụng có số cũ là 4/9A, số mới là 113 đường Thạnh Mỹ Lợi. Tại sơ đồ kèm theo Quyết định số 1915/QĐ-UB-QLĐT ngày 31/7/2001 của Ủy ban nhân dân Quận 2 giải quyết tranh chấp lối đi giữa bà T và ông H thể hiện rất rõ phần đất do bà T sử dụng và căn nhà do bà L sử dụng có vị trí hoàn toàn khác nhau.

Việc nguyên đơn khởi kiện và kháng cáo của ông P và ông T không có chứng cứ gì chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông P và ông T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu trình bày ý kiến:

Về tố tụng:

Ngày 12/2018, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông H V P và ông H N T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 102/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu chia di sản thừa kế do bà T T L và ông H V K để lại.

Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Ông H V P, ông H N T kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chia di sản thừa kế do bà T T L và ông H V K để lại, chia bằng giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với 60m^2 đất là 2.100.000.000 (hai tỷ một trăm triệu đồng), không yêu cầu chia bằng hiện vật nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông P, ông T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Ngày 19/11/2018, Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án sơ thẩm số 102/2018/DS-ST ngày 19/11/2018, ngày 03/12/2018 ông P và ông T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên. Căn cứ Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đơn kháng cáo của ông P, T hợp lệ và làm trong thời hạn luật định nên được xem xét.

Về nội dung kháng cáo:

Ông H V P, ông H N T kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chia di sản thừa kế do bà T T L và ông H V K để lại, chia bằng giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với 60m^2 đất là 2.100.000.000 (hai tỷ một trăm triệu đồng), không yêu cầu chia bằng hiện vật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét:

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Nguồn gốc căn nhà mà bà H T T đang sử dụng tại 113 (số cũ 4/9A) đường Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và phần đất khuôn viên có diện tích 600,5m^2 tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 12 (số thửa mới 571, tờ bản đồ số 12) là của cha mẹ ông H V P, H N T chết để lại không có di chúc nay ông P và T yêu cầu được chia thừa kế theo phần và xin được hưởng giá trị tương đương là 2.100.000.000đ (hai tỷ một trăm triệu đồng).

Căn cứ Quyết định số 1915/QĐ-UB-QLĐT, ngày 31/7/2001 của Ủy ban nhân dân Quận 2 về việc giải quyết tranh chấp đường đi giữa bà H T T và ông T T H, tại trang 1 của Quyết định có ghi nhận rõ: "Phần diện tích 1.496m^2 có nguồn gốc do ông T V N và bà N T K quản lý và để lại cho cháu là ông T T H và bà H T T sử dụng từ trước năm 1975. Hiện trạng có căn nhà mang số 4/5 của ông H và 4/9A của bà T". Tại trang 2 của Quyết định số 1915/QĐ-UB-QLĐT có ghi: "Phần đất có diện tích 1.496m^2 thuộc một phần thửa số 887 tờ bản đồ số 01 phường Thạnh Mỹ Lợi (theo tài liệu 299/TTg) có nguồn gốc do ông T T H và bà H T T sử dụng ổn định, liên tục từ sau năm 1975 đến nay". Căn nhà 4/9A (số cũ) chính là căn nhà mà bà T sử dụng hiện nay mang số 113, diện tích đất 1.496m^2 thuộc một phần thửa số 887 tờ bản đồ số 01 phường Thạnh Mỹ Lợi (theo tài liệu 299/TTg) chính là thửa đất mang số 571, tờ bản đồ số 12, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2. Theo kết quả xác minh tại Công văn số 4039/UBND-TNMT ngày 24/10/2018 của Ủy ban nhân dân Quận 2 thì Quyết định số 1915/QĐ-UB-QLĐT, ngày 31/7/2001 của Ủy ban nhân dân Quận 2 phát sinh hiệu lực pháp luật. Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, bao gồm: "Những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật". Do đó, có đầy đủ căn cứ để Hội đồng xét xử nhận định diện tích đất 600,5m^2 thuộc thửa 571, tờ bản đồ số 12, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 là do ông T V N và bà N T K tạo lập.

Theo Kết quả xác minh tại Công văn số 284/CNQ2 ngày 27/02/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh - chi nhánh Quận 2, phần đất khuôn viên có diện tích 600,5m^2 thuộc thửa 571, tờ bản đồ số 12, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số HB 847030, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02407 do Uỷ ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 23/11/2011, nguồn gốc đất là do ông, bà ngoại của bà T và ông P là ông T V N và bà N T K tạo lập.

Theo Tờ đăng ký nhà, đất ngày 10/9/1999, bà H T T kê khai nguồn gốc nhà, đất là của ông, bà T V N và N T K để lại cho cha, mẹ sử dụng và cha, mẹ để lại cho con từ ngày 15/12/1954. Giấy chứng tử số 48, quyển số 01/2010 của Ủy ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 ghi nhận bà T T L chết vào ngày 31/8/2010. Theo Giấy chứng tử số 31, quyển số 06 của Ủy ban nhân dân

xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai ghi nhận ông H V K chết vào ngày 10/3/2003. Như vậy, có cơ sở để xác định ngay từ khi còn sống bà L và ông K không hề kê khai đăng ký nhà, đất.

Theo kết quả xác minh tại Công văn số 308/UBND ngày 26/3/2018 của Ủy ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi thì đối với diện tích đất 600,5m^2 thuộc thửa 571, tờ bản đồ số 12, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, ông T V T là người kê khai nộp thuế từ năm 1992 đến nay. Như vậy, bà L và ông K ngay từ khai còn sống không hề kê khai nộp thuế đất.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: Phần diện tích đất 600,5m^2 thuộc thửa 571, tờ bản đồ số 12, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 là do ông T V N và bà N T K tạo lập, để lại cho cha, mẹ và cha, mẹ đã cho bà H T T sử dụng, không phải là di sản thừa kế do bà L, ông K để lại. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông P và ông T về việc phân chia di sản thừa kế; Việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P là đã xem xét khách quan, toàn diện vụ án và có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông P là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm, ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định pháp luật.

Với những chứng cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

- Căn cứ vào diểm b Điều 38, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

- Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 102/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp yêu cầu của nguyên đơn – ông H V P về việc phân chia di sản thừa kế cho ông P được hưởng giá trị quyền sử dụng 60m^2 đất, tương ứng với 2.100.000.000đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng).

1. Về lệ phí: Lệ phí định giá tài sản 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng); theo Phiếu thu số 49 THUDG, ngày 16/11/2017, ông P phải chịu. Ông P đã nộp đủ lệ phí định giá tài sản.

2. Về án phí: Ông H V P thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí được miễn toàn bộ tiền án phí. Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nhìn đồng) cho ông P theo Biên lai số AA/2017/0015879 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 21/12/2018, và số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng); theo Biên lai số AE/2014/0004644 ngày 07/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông H N T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0015878 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 21/12/2018. Ông H N T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Duyên